

**CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

**Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020
đã được kiểm toán**



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02 – 04
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	05 – 06
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	07 – 08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	10 – 11
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	12 – 33

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ Phần VINAM (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các Công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

Khái quát

Công ty Cổ phần VINAM tiền thân là Công ty Cổ phần Đầu tư Tài nguyên và Năng lượng Việt Nam được thành lập và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102174005 ngày 14/02/2007. Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi lần 16 ngày 08/02/2021 do Sở kế hoạch Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Hoạt động chính của Công ty là: Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Hoạt động bảo vệ môi trường; Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy khác; Bán buôn thực phẩm đồ uống và đồ dùng gia đình; Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan; Bán buôn thiết bị linh kiện điện tử viễn thông; Bán buôn vải, hàng may mặc; Hoạt động của các phòng khám Đa khoa, chuyên khoa và nha khoa; Sản xuất thiết bị dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng...

Trụ sở chính của Công ty tại Tầng 6 tòa nhà VTC online, số 18 Tam Trinh, Phường Minh Khai, Quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Các sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán lập báo cáo tài chính hợp nhất

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/2020/CVN/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29/06/2020 đã thông qua phương án phát hành 8.250.000 cp cho cổ đông hiện hữu với giá bán dự kiến 10.000đ/cp, và phát hành riêng lẻ 8.250.000 cp cho cổ đông chiến lược (Nghị quyết hội đồng quản trị số 14.12/2020 ngày 14/12/2020 thông qua việc các nhà đầu tư tham gia mua cổ phiếu phát hành riêng lẻ đồng ý không hưởng quyền mua cổ phiếu phát hành thêm của cổ đông hiện hữu). Ngày 11/01/2021 Công ty đã hoàn thành đợt chào bán phát hành riêng lẻ 8.250.000 cp cho cổ đông chiến lược với tổng giá trị thu được là 99 tỷ đồng.

- Ngày 14/01/2021 Công ty đã chuyển 20 tỷ đồng cho Công ty TNHH VINAM Vũng Áng (là Công ty con của Công ty) thực hiện đặt cọc theo hợp đồng gia công thực phẩm số 08.01/2021/VINAM – VUNGANG/HĐGC ngày 08/01/2021.

- Ngày 14/01/2021 Công ty đã chuyển 35 tỷ đồng (100% giá trị đơn đặt hàng) cho Công ty CP Thực phẩm Chế biến Nhật Phú Nguyên theo hợp đồng 01/2020 ngày 20 tháng 08 năm 2020, phụ lục 03.0601.2021 ngày 06/01/2021 để mua 700.000 kg gà đông lạnh. Thời gian giao hàng trong vòng 45 ngày kể từ khi Công ty CP Thực phẩm Chế biến Nhật Phú Nguyên nhận được tiền hàng.

Nghị Quyết Hội đồng quản trị số 0302/2021/NQHĐQT/CVN ngày 03/02/2021 quyết định thành lập Công ty cổ phần Công nghệ cao G7 với tổng vốn điều lệ 50 tỷ đồng, Công ty CP VINAM góp 49 tỷ đồng chiếm 98% vốn điều lệ.

Ngoài ra không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Takishita Akira	Chủ tịch	
Bà Nguyễn Thị Liên	Thành viên	Đến ngày 29/06/2020
Bà Hà Thị Thu Trang	Thành viên	
Ông Nguyễn Mạnh Cường	Thành viên	Từ ngày 29/06/2020

Các thành viên của Ban Giám đốc trong năm và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Mạnh Cường Giám đốc

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Đào Thị Thanh	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Hương	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Hà	Thành viên

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Giám đốc Công ty đã phê chuẩn báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm từ trang 7 đến trang 33, và cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Thay mặt Ban Giám đốc



Nguyễn Mạnh Cường
Giám đốc

Hà Nội, ngày 07 tháng 04 năm 2021

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ Phần VINAM**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ Phần VINAM và Các Công ty con, được lập ngày 07/04/2021, từ trang 07 đến trang 33, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty CP VINAM và các Công ty con tại ngày 31/12/2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN)
Phó Giám đốc

Lê Hồng Đào

Số giấy CNĐKHN Kiểm toán: 1732-2018-152-1

Kiểm toán viên

Nguyễn Chí Thanh

Số giấy CNĐKHN Kiểm toán: 2819-2019-152-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 04 năm 2021

50
RÁ
DỰ
ÁI
V
17

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		151.743.952.076	152.735.322.873
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	16.095.781.216	4.776.186.934
1. Tiền	111		16.095.781.216	4.776.186.934
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.3	10.000.589.713	72.295.589.713
1. Chứng khoán kinh doanh	121		10.036.349.713	73.761.349.713
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(35.760.000)	(1.465.760.000)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		102.327.882.558	35.192.123.410
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	26.743.644.203	389.119.410
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	38.324.207.860	33.165.000.000
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	35.000.000.000	-
4. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	136	V.6	2.260.030.495	1.638.004.000
IV. Hàng tồn kho	140		23.037.573.474	40.420.800.531
1. Hàng tồn kho	141	V.7	23.037.573.474	40.420.800.531
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		282.125.115	50.622.285
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	98.642.562	30.000.000
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		183.482.553	20.622.285
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		10.188.448.216	2.755.187.764
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
II. Tài sản cố định	220		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		10.123.057.161	2.753.382.030
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.9	10.123.057.161	2.753.382.030
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		65.391.055	1.805.734
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8	65.391.055	1.805.734
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		161.932.400.292	155.490.510.637

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		7.172.093.343	14.486.841.157
I. Nợ ngắn hạn	310		4.046.793.343	1.444.941.157
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	50.000.000	5.000.000
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11	3.283.994.886	873.104.114
3. Phải trả người lao động	314		548.021.581	121.194.087
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.12	49.928.783	400.000.000
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13	69.755.137	550.000
6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		45.092.956	45.092.956
II. Nợ dài hạn	330		3.125.300.000	13.041.900.000
1. Dự phòng phải trả dài hạn	342	V.14	3.125.300.000	13.041.900.000
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		154.760.306.949	141.003.669.480
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.15	154.760.306.949	141.003.669.480
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		115.499.940.000	82.500.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		115.499.940.000	82.500.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		2.600.000.000	2.600.000.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		195.900.595	195.900.595
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		36.284.575.234	55.707.768.885
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		6.207.828.885	8.914.507.877
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		30.076.746.349	46.793.261.008
5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		179.891.120	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		161.932.400.292	155.490.510.637

Người lập biểu



Ngô Thị Tâm

Kế toán trưởng



Cao Thị Minh Nguyệt



Nguyễn Mạnh Cường

Hà Nội, ngày 07 tháng 04 năm 2021.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2020

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	60.110.249.544	211.655.389.914
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		60.110.249.544	211.655.389.914
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	28.213.653.389	156.725.921.470
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		31.896.596.155	54.929.468.444
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	421.824.699	1.311.920.613
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	6.268.464.464	1.430.000.000
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Phần lãi, lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5	79.171.285	6.222.900.000
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	3.477.896.949	1.480.317.552
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		22.492.888.156	47.108.171.505
12. Thu nhập khác	31	VI.6	9.894.602.693	181.902.000
13. Chi phí khác	32	VI.7	45.775.408	200.887.847
14. Lợi nhuận khác	40		9.848.827.285	(18.985.847)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		32.341.715.441	47.089.185.658
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.8	2.175.077.972	295.924.650
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		30.166.637.469	46.793.261.008
19. Lợi nhuận sau thuế Công ty mẹ	61		30.076.746.349	46.793.261.008
20. Lợi nhuận sau thuế cổ đông không kiểm soát	62		89.891.120	-
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	2.604	4.051
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9	2.604	4.051

Người lập biểu



Ngô Thị Tâm

Kế toán trưởng



Cao Thị Minh Nguyệt



Giám đốc

Nguyễn Mạnh Cường

Hà Nội, ngày 07 tháng 04 năm 2021.

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)
Năm 2020

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh	01			
1. Lợi nhuận trước thuế			32.341.715.441	47.089.185.658
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		-	-
- Các khoản dự phòng	03		(11.346.600.000)	7.652.900.000
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(421.824.699)	(1.311.920.613)
- Chi phí lãi vay	06		-	-
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		20.573.290.742	53.430.165.045
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(68.598.619.416)	(2.454.579.453)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		10.013.551.926	209.282.549
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		722.698.864	(357.122.042)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(132.227.883)	(29.057.880)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		63.725.000.000	(50.000.550.000)
- Tiền lãi vay đã trả	14		-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(295.924.650)	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		26.007.769.583	798.138.219
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.721.824.699	11.920.613
Lưu chuyển tiền thuần hoạt động đầu tư	30		1.721.824.699	11.920.613

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2020

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		90.000.000	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		-	-
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(16.500.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(16.410.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		11.319.594.282	810.058.832
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		4.776.186.934	3.966.128.102
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		16.095.781.216	4.776.186.934

Người lập biểu

Ngô Thị Tâm

Kế toán trưởng

Cao Thị Minh Nguyệt



Nguyễn Mạnh Cường

Hà Nội, ngày 07 tháng 04 năm 2021.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT Năm 2020

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần VINAM tiền thân là Công ty Cổ Phần Đầu tư Tài nguyên và Năng lượng Việt Nam được thành lập và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102174005 ngày 14/02/2007. Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi lần 16 ngày 08/02/2021 do Sở kế hoạch Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại Tầng 6 tòa nhà VTC online, số 18 Tam Trinh, Phường Minh Khai, Quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh thương mại, dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là: Bán buôn vật liệu, thiết bị dụng cụ y tế, bán buôn thực phẩm

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường : 12 tháng

5. Cấu trúc tập đoàn

Tổng số các Công ty con : 5
Số lượng Các Công ty con được hợp nhất: 5
Số lượng Các Công ty con không được hợp nhất: 0

Danh sách các Công ty con được hợp nhất:

Tên	Ngành hoạt động chính	Vốn điều lệ	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
Công ty TNHH Công trình và Thiết bị Kỹ thuật Miền Nam	Bán máy móc thiết bị y tế	4.800.000.000	100%	100%
Công ty TNHH Nghiên cứu Ứng dụng Công nghệ Y học	Bán máy móc thiết bị y tế	4.800.000.000	100%	100%
Công ty Cổ phần Công nghệ cao Y tế và Môi trường Hạ Long Tokyo	Bán máy móc thiết bị cơ khí	6.000.000.000	99%	99%
Công ty TNHH Vinam Vững Áng	Bán buôn, chế biến thực phẩm	11.000.000.000	100%	100%
Công ty TNHH Vinam Sài Gòn	Bán nhiên liệu dạng khí, lỏng, rắn	30.000.000.000	70%	70%

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Trong năm Công ty không có thay đổi về chính sách kế toán so với kỳ trước nên không có ảnh hưởng đến khả năng so sánh của các thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 200/2014/TT-BTC và thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở hợp nhất

Các công ty con:

Các công ty con là các đơn vị do Công ty mẹ kiểm soát. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của một đơn vị để thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Các báo cáo tài chính của các công ty con được hợp nhất trong các báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày bắt đầu kiểm soát đến ngày kết thúc kiểm soát.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các công ty liên kết và liên doanh

Các công ty liên kết là các đơn vị mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không có quyền kiểm soát, đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Các công ty liên doanh là các đơn vị có các hoạt động mà tập đoàn có quyền đồng kiểm soát, được thành lập theo thỏa thuận hợp đồng và đòi hỏi sự nhất trí hoàn toàn về các quyết định tài chính và hoạt động chiến lược. Các công ty liên kết và công ty liên doanh được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Các báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần chi phí và thu nhập của Công ty trong các đơn vị nhận đầu tư hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, sau khi các đơn vị này đã thực hiện những điều chỉnh các chính sách kế toán của mình cho phù hợp với các chính sách kế toán của Công ty, kể từ ngày bắt đầu có ảnh hưởng đáng kể hoặc đồng kiểm soát đến ngày kết thúc ảnh hưởng đáng kể hoặc đồng kiểm soát. Nếu phần lỗ của công ty vượt quá khoản đầu tư của công ty trong đơn vị nhận đầu tư hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư đó (bao gồm toàn bộ các khoản đầu tư dài hạn) được ghi giảm xuống bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ, trừ khi công ty có một nghĩa vụ phải thực hiện hay đã thực hiện các khoản thanh toán thay cho các đơn vị nhận đầu tư.

Các giao dịch bị loại trừ khi hợp nhất

Các số dư nội bộ và toàn bộ thu nhập và chi phí chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại ra khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các đơn vị nhận đầu tư hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ khỏi khoản đầu tư liên quan đến lợi ích của tập đoàn trong các đơn vị nhận đầu tư. Lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại ra trừ khi giá vốn không thể được thu hồi.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh tại ngày Công ty mẹ đạt quyền kiểm soát được trình bày như một loại tài sản khác trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời gian tối đa 10 năm. Trường hợp giá trị lợi thế thương mại bị tổn thất trong năm cao hơn giá trị phân bổ hàng năm thì thực hiện phân bổ theo giá trị tổn thất

Khi thoái vốn khỏi Các Công ty con thì giá trị khoản lợi thế thương mại chưa phân bổ hết được ghi giảm tương ứng với tỷ lệ vốn thoái và tính vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Bảng cân đối kế toán trong trường hợp Công ty mẹ vẫn nắm quyền kiểm soát Các Công ty con hoặc được ghi giảm toàn bộ vào kết quả kinh doanh hợp nhất trong trường hợp Công ty mẹ hết quyền kiểm soát tại Các Công ty con.

2. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với tiền tệ sử dụng trong kế toán được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế phát sinh, trên cơ sở sau:

- Các khoản nợ phải thu phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi chỉ định khách hàng thanh toán
- Các khoản nợ phải trả phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi thường xuyên có giao dịch;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

Tại thời điểm cuối năm các khoản mục mang tính chất tiền tệ có gốc ngoại tệ như tài sản (tiền, phải thu và tài sản tiền tệ khác) và công nợ (vay, phải trả và công nợ khác) được quy đổi theo tỷ giá mua và bán của ngân hàng thương mại mà Công ty có tài khoản tại thời điểm cuối kỳ kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch đánh giá lại cuối kỳ được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền bao gồm : tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư vào công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu, và thu tiền.

Các khoản đầu tư tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn;

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

6. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

7. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

8. Nguyên tắc ghi nhận ghi nhận các khoản trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán, phải trả khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

10. Nguyên tắc ghi nhận dự phòng phải trả

Dự phòng chi phí bảo hành bảo trì sản phẩm, hàng hóa được lập cho từng loại sản phẩm, hàng hóa có cam kết bảo hành. Mức trích lập dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa bằng 5% trên doanh thu. Tỷ lệ này được ước tính dựa trên các dữ liệu về chi phí bảo hành trong những năm trước và tỷ lệ gia quyền của tất cả các hậu quả có thể xảy ra với các xác suất tương ứng. Tăng, giảm số dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn, chi phí bán hàng hoặc thu nhập khác.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các khoản giảm trừ doanh thu

Khoản mục này dùng để phản ánh các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ, gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Tài khoản này không phản ánh các khoản thuế được giảm trừ vào doanh thu như thuế GTGT đầu ra phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp.

Việc điều chỉnh giảm doanh thu được thực hiện như sau:

- Khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh;
- Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì doanh nghiệp được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:
 - + Nếu sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại nhưng phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính, kế toán phải coi đây là một sự kiện cần điều chỉnh phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán và ghi giảm doanh thu, trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo.
 - + Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì doanh nghiệp ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận giá vốn

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong kỳ

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...)

C. T.
TU HẠN
VĂN
C. TOÁN
OÁN
ET
CHI

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

17. Báo cáo bộ phận

Báo cáo theo bộ phận bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hoặc một bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

18. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn, các khoản phải thu khác và các khoản đầu tư.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác và các khoản vay.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận;
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

20. Ảnh hưởng của Covid-19 và các quy định mới

Sự bùng phát của đại dịch Virus Corona 2019 ("Covid-19") từ tháng 3 năm 2020 tại Việt Nam cùng với các biện pháp kiểm dịch và cách ly do Chính phủ Việt Nam ban hành đã ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất và kinh doanh của Công ty. Nguy cơ lây nhiễm covid cao từ thực phẩm nhập khẩu đặc biệt là thực phẩm đông lạnh. Bộ y tế đã yêu cầu các đơn vị liên quan thực hiện xét nghiệm covid-19 đối với các thực phẩm đông lạnh nhập khẩu vì khả năng sinh tồn của Virus trên sản phẩm này rất dài, Ban chỉ đạo liên ngành về an toàn thực phẩm vẫn thực hiện giám sát, xét nghiệm thực phẩm nhập khẩu. Ban Giám đốc Công ty vẫn tiếp tục theo dõi tình hình đại dịch Covid-19 để đưa ra các giải pháp kinh doanh phù hợp.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tiền mặt	4.588.209.498	116.448.351
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	11.507.571.718	4.659.738.583
Cộng	16.095.781.216	4.776.186.934

2. Phải thu khách hàng ngắn hạn

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Trung tâm Sản nhi- Bệnh viện đa khoa tỉnh Phú Thọ	-	389.119.410
Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Quốc Tế Aiko	17.990.555.213	-
JWB CO.,LTD	4.133.088.990	-
Công ty TNHH Thiết bị Y Học Nhật	4.620.000.000	-
Cộng	26.743.644.203	389.119.410

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM VÀ CÁC CÔNG TY CON

Tầng 6, tòa nhà VTC online, Số 18 Tam Trinh, Q.Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

3. Các khoản đầu tư tài chính

a. Chứng khoán kinh doanh

	31/12/2020		01/01/2020			
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Cổ phiếu	10.036.349.713	10.000.589.713	35.760.000	73.761.349.713	72.295.589.713	1.465.760.000
Công ty CP SXKD Dược và Trang thiết bị Y tế Việt Mỹ	-	-	-	23.725.000.000	22.295.000.000	1.430.000.000
Công ty CP Khai thác và Chế biến Khoáng sản Bắc Giang (30.000 CP)	35.799.713	39.713	35.760.000	35.799.713	39.713	35.760.000
Công ty CP Đầu Tư Bệnh Viện Sara (1.000.000 CP) (*)	10.000.550.000	10.000.550.000	-	50.000.550.000	50.000.550.000	-

(*) Đây là khoản đầu tư được ủy thác theo hợp đồng ủy thác số 12/19-08 giữa Công ty TNHH Công trình và Thiết bị Kỹ Thuật Miền Nam (Công ty con sở hữu 100%) mua 5.000.000 cổ phần (cổ phiếu chưa niêm yết) giá trị 50.000.550.000 đồng của Công ty Cổ phần Đầu tư Bệnh viện Sara. Ngày 29/09/2020, Công ty TNHH Công trình và Thiết bị Kỹ thuật Miền Nam và Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Bông Sen đã ký phụ lục về việc bán 4.000.000 cổ phần với giá trị 40.000.000.000 đồng. Đến thời điểm 31/12/2020 Công ty còn nắm giữ 1.000.000 cổ phần tương đương trị giá 10.000.550.000 đồng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Công ty CP Thực phẩm chế biến Nhật Phú Nguyên (*)	33.100.000.000	-
Công ty cổ phần cơ khí Trung Tân	338.910.000	-
Công ty TNHH 1 Thành viên Bắc Cường	220.000.000	-
Công ty TNHH Thiết bị Y Học Nhật (**)	4.600.297.860	19.500.000.000
Công ty cổ phần Sara Vũng Tàu	-	6.500.000.000
Công ty TNHH Thương Mại Hướng Đông	-	7.000.000.000
Đối tượng khác	65.000.000	165.000.000
Cộng	38.324.207.860	33.165.000.000

(*) Ứng trước cho Công ty CP Thực phẩm chế biến Nhật Phú Nguyên 33,1 tỷ đồng để thực hiện mua gà đông lạnh theo đơn đặt hàng, hợp đồng nguyên tắc số 01/2020 ngày 20/08/2020 và hợp đồng 0309/2020 ngày 03/09/2020. Hai bên đã thỏa thuận không thực hiện tiếp và trong tháng 3/2021 Công ty CP Thực phẩm chế biến Nhật Phú Nguyên đã hoàn trả lại số tiền này.

(**) Ngày 28/12/2020 Công ty và Công ty TNHH Thiết bị y học Nhật đã thỏa thuận thanh lý, không thực hiện tiếp hợp đồng kinh tế 1812/2019/TBYH-CNYH. Ngày 25/3/2021 Công ty TNHH Thiết bị y học Nhật đã hoàn trả lại số tiền này.

5. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Công ty CP Thực phẩm chế biến Nhật Phú Nguyên (*)	15.000.000.000	-
Công ty CP Thiết bị Y tế Triết Tôn Tiên (**)	20.000.000.000	-
Cộng	35.000.000.000	-

(*) Cho Công ty CP Thực phẩm chế biến Nhật Phú Nguyên vay vốn trị giá 15 tỷ đồng theo hợp đồng hỗ trợ vốn số 28.09.2020/HĐHTV/CVN-NPN, thời hạn hỗ trợ đến hết 28/12/2020, phụ lục số 02.2912.2020 ngày 29/12/2020 gia hạn thời gian hỗ trợ đến hết 28/03/2021, lãi suất 5%/năm. Ngày 25/03/2021 Công ty CP Thực phẩm chế biến Nhật Phú Nguyên đã hoàn trả số tiền này.

(**) Cho Công ty CP Thiết bị y tế Triết tôn tiên vay theo hợp đồng số 2012.2020/HĐHTV ngày 20/12/2020, thời hạn cho vay đến hết 20/03/2021, lãi suất cho vay 5%/năm. Ngày 25/03/2021 Công ty CP Thiết bị y tế Triết tôn tiên đã hoàn trả số tiền này.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

6. Phải thu khác ngắn hạn

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Phải thu về cổ tức, lợi nhuận được chia	-	1.300.000.000
Phải thu khác	2.260.030.495	338.004.000
Cộng	2.260.030.495	1.638.004.000

7. Hàng tồn kho

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Công cụ, dụng cụ	-	8.090.005
Hàng hóa	23.037.573.474	40.412.710.526
Cộng giá gốc hàng tồn kho	23.037.573.474	40.420.800.531

8. Chi phí trả trước

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Tiền thuê văn phòng	85.322.917	30.000.000
Chi phí khác	13.319.645	-
Cộng	98.642.562	30.000.000
b. Dài hạn		
Chi phí khác	65.391.055	1.805.734
Cộng	65.391.055	1.805.734

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Lắp đặt hệ thống Pacs – Bệnh viện Đa khoa khu vực An Giang	2.707.162.035	2.753.382.030
Lắp đặt hệ thống Pacs – Bệnh viện Đa khoa Khu vực Tân Châu	6.228.503.830	-
Lắp đặt hệ thống máy tiệt trùng thực phẩm RCS-120	1.187.391.296	-
Cộng	10.123.057.161	2.753.382.030

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

10. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty Cổ Phần LEOPARD	50.000.000	50.000.000	-	-
Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam	-	-	5.000.000	5.000.000
Cộng	50.000.000	50.000.000	5.000.000	5.000.000

11. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	01/01/2020 VND	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2020 VND
Thuế giá trị gia tăng	571.779.464	577.421.270	887.395.637	261.805.097
Thuế xuất nhập khẩu	-	123.005.700	123.005.700	-
Thuế thu nhập DN	295.924.650	2.175.077.972	295.924.650	2.175.077.972
Thuế thu nhập cá nhân	5.400.000	853.853.929	12.142.112	847.111.817
Thuế khác	-	13.000.000	13.000.000	-
Cộng	873.104.114	3.742.358.871	1.331.468.099	3.283.994.886

12. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Chi phí phải trả khác	49.928.783	400.000.000
Cộng	49.928.783	400.000.000

13. Phải trả khác ngắn hạn

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	24.785.471	-
Lợi nhuận phải trả	2.415.000	-
Phải trả khác	42.554.666	550.000
Cộng	69.755.137	550.000

14. Dự phòng phải trả dài hạn

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Dự phòng bảo hành, bảo trì sản phẩm hàng hóa	2.578.500.000	11.401.500.000
Dự phòng bảo hành, bảo trì công trình lắp đặt	546.800.000	1.640.400.000
Cộng	3.125.300.000	13.041.900.000

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM VÀ CÁC CÔNG TY CON

Tầng 6, tòa nhà VTC online, Số 18 Tam Trinh, Q.Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

15. Vốn chủ sở hữu

a Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	82.500.000.000	2.600.000.000	195.900.595	8.914.507.877	94.210.408.472
Lãi trong năm trước				46.793.261.008	46.793.261.008
Số dư đầu năm nay	82.500.000.000	2.600.000.000	195.900.595	55.707.768.885	141.003.669.480
Lãi trong năm nay				30.076.746.349	30.076.746.349
Tăng vốn từ nguồn lợi nhuận năm trước	32.999.940.000	-	-	(32.999.940.000)	-
Chia cổ tức	-	-	-	(16.500.000.000)	(16.500.000.000)
Số dư cuối năm	115.499.940.000	2.600.000.000	195.900.595	36.284.575.234	154.580.415.829

(*) Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/2020/CVN/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29/06/2020 đã thông qua phương án phát hành 3.300.000 cổ phiếu để trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu tương đương tỷ lệ 40% vốn. Ngày 08/12/2020 Công ty đã hoàn thành phát hành 3.229.994 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, số cổ phiếu lẻ được hủy bỏ 6 cổ phiếu.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

b Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2020	%	01/01/2020	%
	VND		VND	
Công ty CP Quản lý Quỹ Bông sen	1.610.000.000	1,39	8.700.000.000	10,55
Ngô Văn Bình	14.000.000.000	12,12	-	-
Các đối tượng khác	99.889.940.000	86,49	73.800.000.000	89,45
Cộng	115.499.940.000	100	82.500.000.000	100

c Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Vốn góp đầu năm	82.500.000.000	82.500.000.000
Vốn góp tăng trong năm	32.999.940.000	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	115.499.940.000	82.500.000.000

d Cổ phiếu

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	11.549.994	8.250.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	11.549.994	8.250.000
- Cổ phiếu phổ thông	11.549.994	8.250.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	11.549.994	8.250.000
- Cổ phiếu phổ thông	11.549.994	8.250.000
- Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000/cp		

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
a. Doanh thu		
Doanh thu bán máy móc, thiết bị	60.103.849.544	206.048.800.000
Doanh thu bán thực phẩm, nông sản	6.400.000	-
Doanh thu bán hóa chất	-	189.184.200
Doanh thu hoạt động lắp đặt	-	5.417.405.714
Cộng	60.110.249.544	211.655.389.914

Doanh thu với bên liên quan : Không phát sinh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn máy móc thiết bị	28.209.332.939	154.077.350.754
Giá vốn thực phẩm, nông sản	4.320.450	-
Giá vốn hóa chất	-	251.734.352
Giá vốn lắp đặt	-	2.396.836.364
Cộng	28.213.653.389	156.725.921.470

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	194.009.284	11.920.613
Lãi chênh lệch tỷ giá	227.815.415	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	1.300.000.000
Cộng	421.824.699	1.311.920.613

4. Chi phí tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lỗ bán các khoản đầu tư	6.257.755.178	-
Dự phòng/(hoàn nhập) giảm giá các khoản đầu tư	-	1.430.000.000
Chi phí tài chính khác	10.709.286	-
Cộng	6.268.464.464	1.430.000.000

5. Chi phí phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay VND	Năm trước VND
a. Chi phí bán hàng		
Chi phí bảo hành bảo trì	-	6.222.900.000
Chi phí khác	79.171.285	-
Cộng	79.171.285	6.222.900.000
b. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân công	2.456.686.471	715.333.084
Chi phí khác	1.021.210.478	764.984.468
Cộng	3.477.896.949	1.480.317.552

888.
 G T
 M H
 T U
 T K
 M T
 V U
 H C

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

6. Thu nhập khác, Chi phí khác

	Năm nay VND	Năm trước VND
a. Thu nhập khác		
Hoàn nhập dự phòng bảo hành, bảo trì hàng hóa	9.894.600.000	-
Thu nhập khác	2.693	181.902.000
Cộng	9.894.602.693	181.902.000
b. Chi phí khác		
Các khoản truy thu, vi phạm hành chính	14.437.771	200.887.847
Chi phí khác	31.337.637	-
Cộng	45.775.408	200.887.847

7. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí giá vốn hàng bán	28.213.653.389	156.725.921.470
Chi phí nhân công	2.456.686.471	715.333.084
Chi phí khác	1.100.381.763	6.987.884.468
Cộng	31.770.721.623	164.429.139.022

8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Công ty Cổ phần VINAM: áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 20%.

Các công ty con: Đang trong giai đoạn miễn, giảm thuế theo quy định tại nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành luật thuế thu nhập doanh nghiệp, thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014 và thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22/06/2015 về thuế thu nhập doanh nghiệp.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Bảng ước tính mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của doanh nghiệp được trình bày dưới đây:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	32.341.715.441	47.089.185.658
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế	(16.805.444.215)	(45.609.562.409)
- Các khoản điều chỉnh tăng	774.421.485	170.004.591
+ Chi phí không được trừ	774.421.485	170.004.591
- Các khoản điều chỉnh giảm	17.579.865.700	45.779.567.000
+ Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	1.300.000.000
+ Thu nhập miễn thuế	17.579.865.700	43.279.275.925
+ Chuyển lỗ năm trước	-	1.200.291.075
Tổng lợi nhuận tính thuế	15.536.271.226	1.479.623.249
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	3.107.254.245	295.924.650
Giảm 30% thuế TNDN năm 2020 theo NQ 116/2020/QH14	932.176.273	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	<u>2.175.077.972</u>	<u>295.924.650</u>

9. Lãi trên cổ phiếu

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế	30.076.746.349	46.793.261.008
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông	30.076.746.349	46.793.261.008
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	11.549.994	11.549.994
Lãi trên cổ phiếu		
- Lãi cơ bản	2.604	4.051
- Lãi suy giảm	2.604	4.051

Không có cổ phiếu phổ thông tiềm tàng suy giảm trong năm và đến ngày lập báo cáo này

(*) Ghi chú: Lãi trên cổ phiếu năm trước đã được điều chỉnh trình bày lại do trong năm Công ty phát hành 3.229.994 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (Xem thuyết minh VII.6 trang 33)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

VII. THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin về các bên liên quan

Thu nhập của thành viên Hội đồng Quản Trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, kế toán trưởng:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lương, Thù lao	476.083.333	191.000.000

2. Báo cáo bộ phận

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Hoạt động bán hàng của Công ty bán hàng tại Việt Nam và xuất khẩu ra nước ngoài. Thông tin về doanh thu của Công ty theo khu vực địa lý của Công ty cụ thể như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Trong nước	52.290.299.544	211.655.389.914
Xuất khẩu	7.819.950.000	-
Cộng	60.110.249.544	211.655.389.914

3. Công cụ tài chính

a) Quản lý rủi ro tài chính

Tổng quan: Các loại rủi ro tài chính mà Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính là: Rủi ro tín dụng, Rủi ro thanh khoản, Rủi ro thị trường

b) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm cả tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Phải thu khách hàng và phải thu khác

Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Công ty dựa trên các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các khoản phải thu khách hàng chưa trả thường xuyên được theo dõi. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng lớn. Trên cơ sở này, Công ty không có rủi ro tập trung về tín dụng.

c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do tình trạng thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty phát sinh chủ yếu do không tương xứng trong các kỳ hạn của tài sản tài chính và các khoản phải trả tài chính. Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

Thông tin thời hạn đáo hạn của nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các giá trị thanh toán chưa chiết khấu theo hợp đồng như sau:

	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm	Cộng
Số cuối năm	4.001.700.387	3.125.300.000	7.127.000.387
Phải trả người bán	50.000.000	-	50.000.000
Chi phí phải trả	49.928.783	-	49.928.783
Phải trả khác	3.901.771.604	3.125.300.000	7.027.071.604
Số đầu năm	1.399.848.201	13.041.900.000	14.441.748.201
Phải trả người bán	5.000.000	-	5.000.000
Chi phí phải trả	400.000.000	-	400.000.000
Phải trả khác	994.848.201	13.041.900.000	14.036.748.201

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

d) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: Rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Rủi ro ngoại tệ: Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch cho các giao dịch trong tương lai bằng ngoại tệ. Công ty giám sát các rủi ro đối với các tài sản và nợ phải trả tài chính bằng ngoại tệ.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản vay. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để xác định chính sách lãi suất hợp lý có lợi cho các mục đích quản lý giới hạn rủi ro của Công ty.

21
CỔ
ĐẠI
HỢP
CÁC
KHOẢN
TÀI
CHÍNH

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể hoặc nợ phải trả tài chính có lãi suất cố định.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

Các cổ phiếu do công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

e) Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Tiền, tương đương tiền	16.095.781.216	-	4.776.186.934	-
Chứng khoán kinh doanh	10.036.349.713	35.760.000	73.761.349.713	1.465.760.000
Phải thu khách hàng	26.743.644.203	-	389.119.410	-
Trả trước người bán	38.324.207.860	-	33.165.000.000	-
Phải thu về cho vay	35.000.000.000	-	-	-
Phải thu khác	2.260.030.495	-	1.638.004.000	-
Cộng	128.460.013.487	35.760.000	113.729.660.057	1.465.760.000

Nợ phải trả tài chính	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2020	01/01/2020
Phải trả cho người bán	50.000.000	5.000.000
Chi phí phải trả	49.928.783	400.000.000
Các khoản phải trả khác	7.027.071.604	14.036.748.201
Cộng	7.127.000.387	14.441.748.201

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính do thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06/11/2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính. Thông tư 210/2009/TT-BTC yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng chưa đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả việc áp dụng giá trị hợp lý nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

4. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong năm không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

4-G
TY
HỮU HẠN
VĂN
TẾ TOÀN
KIẾT
CỔ PHẦN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

5. Thông tin về các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/2020/CVN/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29 tháng 06 năm 2020 đã thông qua phương án phát hành 8.250.000 cp cho cổ đông hiện hữu với giá bán dự kiến 10.000đ/cp, và phát hành riêng lẻ 8.250.000 cp cho cổ đông chiến lược (Nghị quyết hội đồng quản trị số 14.12/2020 ngày 14/12/2020 thông qua việc các nhà đầu tư tham gia mua cổ phiếu phát hành riêng lẻ đồng ý không hưởng quyền mua cổ phiếu phát hành thêm của cổ đông hiện hữu). Ngày 11/01/2021 Công ty đã hoàn thành đợt chào bán phát hành riêng lẻ 8.250.000 cp cho cổ đông chiến lược với tổng giá trị thu được là 99 tỷ đồng.

- Ngày 14/01/2021 Công ty đã chuyển 20 tỷ đồng cho Công ty TNHH VINAM Vững Áng (là Công ty con của Công ty) thực hiện đặt cọc theo hợp đồng gia công thực phẩm số 08.01/2021/VINAM – VUNGANG/HĐGC ngày 08/01/2021.

- Ngày 14/01/2021 Công ty đã chuyển 35 tỷ đồng (100% giá trị đơn đặt hàng) cho Công ty CP thực phẩm Chế biến Nhật Phú Nguyên theo hợp đồng 01/2020 ngày 20/08/2020, phụ lục 03.0601.2021 ngày 06/01/2021 để mua 700.000 kg gà đông lạnh. Thời gian giao hàng trong vòng 45 ngày kể từ khi Công ty CP thực phẩm Chế biến Nhật Phú Nguyên nhận được tiền hàng.

Nghị Quyết Hội đồng quản trị số 0302/2021/NQHĐQT/CVN ngày 03/02/2021 quyết định thành lập Công ty cổ phần Công nghệ cao G7 với tổng vốn điều lệ 50 tỷ đồng, Công ty CP VINAM góp 49 tỷ đồng chiếm 98% vốn điều lệ.

6. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được kiểm toán. Trong đó số liệu lãi trên cổ phiếu trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất năm trước được trình bày lại do Công ty phát hành 3.229.994 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối. Cụ thể như sau:

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2019	Chênh lệch
	Đã báo cáo	trình bày lại	
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông	46.793.261.008	46.793.261.008	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	8.250.000	11.549.994	3.299.994
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	5.672	4.051	(1.621)
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	5.672	4.051	(1.621)

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Ngô Thị Tâm

Cao Thị Minh Nguyệt

Nguyễn Mạnh Cường

Hà Nội, ngày 07 tháng 04 năm 2021